

Số: 214/2020/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về một số chính sách hỗ trợ phục hồi sản xuất kinh doanh
thúc đẩy phát triển kinh tế trong điều kiện phòng, chống dịch Covid-19**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 15**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 252/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ phục hồi sản xuất kinh doanh thúc đẩy phát triển kinh tế trong điều kiện phòng, chống dịch Covid-19; báo cáo thẩm tra của các ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này điều chỉnh một số nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và ban hành một số chính sách mới hỗ trợ phục hồi sản xuất đối với một số lĩnh vực xuất khẩu, chăn nuôi, phát triển du lịch nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế trong điều kiện phòng, chống dịch Covid-19.

b) Các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được điều chỉnh: Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các

khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 148/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND; Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Nghị quyết số 81/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách phát triển du lịch đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quy định được điều chỉnh tại các nghị quyết tại khoản b, điểm 1, Điều 1 của Nghị quyết này.

b) Tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở chính hoặc chi nhánh trên địa bàn tỉnh đã trực tiếp xuất khẩu các mặt hàng: Hàng nông sản (chè, lạc; các sản phẩm chế biến từ gia súc, gia cầm; thủy hải sản chế biến các loại, gạo), hàng may mặc, dệt sợi, bao bì các loại, dược phẩm trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

c) Các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có đăng ký kinh doanh hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và có các hoạt động đầu tư, khai thác, kinh doanh trong lĩnh vực du lịch, các hoạt động quản lý, xúc tiến quảng bá về du lịch trên địa bàn.

d) Các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân (gọi tắt là cơ sở) chăn nuôi lợn nái cấp bố mẹ có quy mô chuồng trại từ 20 con đến dưới 60 con, chăn nuôi lợn thịt có quy mô chuồng trại từ 20 con đến dưới 50 con đang dùng chăn nuôi (không bao gồm các cơ sở xây dựng mới chuồng trại từ khi Nghị quyết này có hiệu lực).

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 1, Nghị quyết số 148/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

“1. Sửa đổi điểm e, khoản 2 Điều 5 như sau:

e) Mức thu phí:

TT	Phương tiện vận tải chở hàng hóa	Mức thu (đồng/xe/lượt)
I	Phương tiện vận tải chở hàng hóa xuất, nhập khẩu, tạm xuất - tái nhập	
1	Phương tiện có tải trọng dưới 05 tấn	30.000
2	Phương tiện có tải trọng từ 05 tấn đến dưới 10 tấn	60.000

3	Phương tiện có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, xe container 20Feet	120.000
4	Phương tiện có tải trọng từ 20 tấn trở lên, xe container 40Feet	240.000
II	Phương tiện vận tải chở hàng hóa tạm nhập - tái xuất, hàng hóa quá cảnh, chuyển khẩu, hàng hóa gửi kho ngoại quan	
1	Phương tiện có tải trọng dưới 05 tấn	120.000
2	Phương tiện có tải trọng từ 05 tấn đến dưới 10 tấn	220.000
3	Phương tiện có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, xe container 20Feet	320.000
4	Phương tiện có tải trọng từ 20 tấn trở lên, xe container 40Feet	480.000

Thời hạn áp dụng: Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. Sửa đổi điểm d, khoản 6 và điểm đ, điểm g, khoản 8 Điều 5 Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

a) Sửa đổi điểm d, khoản 6 Điều 5 như sau:

“d) Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường lần đầu:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên nhóm		Tổng vốn đầu tư (tỷ VNĐ)				
		≤ 50	> 50 và ≤ 100	> 100 và ≤ 200	> 200 và ≤ 500	> 500
Nhóm 1	Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	3,2	4,16	7,68	8,4	9,52
Nhóm 2	Dự án công trình dân dụng	4,4	5,44	9,6	10	14
Nhóm 3	Dự án hạ tầng kỹ thuật	4,8	6,08	10,88	11,2	14
Nhóm 4	Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	5,04	6,08	10,88	11,2	13,44
Nhóm 5	Dự án Giao thông	5,2	6,4	11,52	12	14
Nhóm 6	Dự án Công nghiệp	5,36	6,72	12,16	12,8	14,56
Nhóm 7	Dự án khác (không thuộc các nhóm trên)	3,2	3,84	6,91	7,6	8,73

Thời hạn áp dụng: Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

b) Sửa đổi điểm đ và điểm g khoản 8 Điều 5 như sau:

“đ) Mức thu phí đối với tổ chức; cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê đất thực hiện dự án đầu tư; tổ chức, cá nhân nước ngoài:

TT	Nội dung thu	Mức thu (đồng/hồ sơ)
I	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu gắn với giao đất, cho thuê đất, công nhận QSD đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển nhượng tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất (bao gồm cả trường hợp có chứng nhận hoặc không chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất):	
1	Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp, đất công cộng không kinh doanh.	400.000
2	Đối với đất để thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh:	
-	Dưới 01 ha	800.000
-	Từ 01 ha đến dưới 05 ha	1.600.000
-	Từ 05 ha đến dưới 10 ha	2.400.000
-	Từ 10 ha trở lên	4.000.000
II	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gắn với chuyển quyền sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất	400.000
III	Cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Cấp bổ sung quyền sở hữu tài sản trên đất.	400.000

g) Mức thu phí đối với hộ gia đình, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam:

TT	Nội dung thu	Mức thu (đồng/hồ sơ)
I	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu gắn với giao đất, cho thuê đất, công nhận QSD đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển nhượng tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất (bao gồm cả trường hợp có chứng nhận hoặc không chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất):	

1	Đối với đất làm nhà ở khu vực đô thị	80.000
2	Đối với đất làm nhà ở khu vực nông thôn	24.000
3	Cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh:	
-	Dưới 01 ha	400.000
-	Từ 01 ha đến dưới 05 ha	800.000
-	Từ 05 ha đến dưới 10 ha	1.600.000
-	Từ 10 ha trở lên	2.400.000
II	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gắn với chuyển quyền sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất (áp dụng đối với trường hợp thuê đất để sản xuất, kinh doanh)	400.000
III	Cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Cấp bổ sung quyền sở hữu tài sản trên đất (áp dụng đối với trường hợp thuê đất để sản xuất, kinh doanh).	400.000

Thời hạn áp dụng: Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

3. Điều chỉnh điểm đ, khoản 6, Điều 6 Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Mức thu (đồng/giấy phép)
1	Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ của Nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép)	30.000
2	Cấp phép xây dựng các công trình khác, bao gồm: cấp giấy phép cho dự án, cấp giấy phép theo giai đoạn cho dự án, công trình không theo tuyến, công trình theo tuyến trong đô thị, công trình tôn giáo, công trình tín ngưỡng, công trình tượng đài, tranh hoành tráng, công trình quảng cáo	75.000
3	Trường hợp điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy cấp phép xây dựng	7.500

Thời hạn áp dụng: Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. Sửa đổi điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

“a) Mức thu lệ phí trước bạ lần đầu đối với xe ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống: 10% giá trị tài sản tính lệ phí trước bạ;”

b) Thời hạn áp dụng: Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

5. Điều chỉnh nội dung tại điểm a, b khoản 2 Điều 6 của Quy định một số chính sách phát triển du lịch Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo ban hành kèm Nghị quyết số 81/2017/NQ-HĐND tỉnh ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

“a) Điều kiện áp dụng: Hỗ trợ xây dựng nhà hàng (kinh doanh độc lập với cơ sở lưu trú) đã được cơ quan có thẩm quyền cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, đáp ứng điều kiện có quy mô diện tích sàn từ 300m² trở lên (không bao gồm bãi đỗ xe, khuôn viên);

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần, với mức 300.000đ/m² sàn xây dựng và không quá 300 triệu đồng/cơ sở.”

Điều 3. Chính sách hỗ trợ xuất khẩu

1. Các nội dung hỗ trợ hoạt động xuất khẩu

a) Hỗ trợ chi phí thu mua, dự trữ nguyên liệu sản xuất, chế biến để xuất khẩu: Hỗ trợ 50% lãi vay thu mua, dự trữ nguyên liệu phục vụ sản xuất, chế biến để xuất khẩu theo hợp đồng tín dụng giữa doanh nghiệp và tổ chức tín dụng. Mức hỗ trợ không quá 400 triệu đồng/doanh nghiệp trong thời gian hỗ trợ;

b) Hỗ trợ chi phí vận chuyển: Các tổ chức, doanh nghiệp xuất khẩu khi vận chuyển sản phẩm đến các cửa khẩu, cảng biển để xuất khẩu, mức hỗ trợ 350 đồng/tấn.km (khoảng cách được tính từ địa điểm đặt nhà máy, cơ sở chế biến, kho hàng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến cửa khẩu, cảng biển để xuất khẩu). Mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/tổ chức trong thời gian hưởng chính sách;

c) Hỗ trợ tìm kiếm thị trường xuất khẩu mới của doanh nghiệp so với thời điểm trước khi dịch bệnh Covid-19 xảy ra với mức hỗ trợ 50 triệu đồng/01 loại sản phẩm/01 thị trường mới (quốc gia hoặc vùng lãnh thổ).

2. Thời hạn áp dụng: Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

3. Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh

Điều 4. Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch

1. Các nội dung hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 50% lãi vay theo các hợp đồng tín dụng của các Ngân hàng thương mại cho các khoản vay mới ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam. Mỗi tổ chức/cá nhân kinh doanh hoạt động du lịch chỉ được hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay trong năm 2020 để kinh doanh, đầu tư mở rộng quy mô, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp dự án ban đầu;

b) Hỗ trợ (một lần) chi phí mua sắm trang thiết bị, dụng cụ, chế phẩm sinh học, thuê nhân lực vệ sinh môi trường cho khu, điểm du lịch được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận. Mức hỗ trợ 100 triệu đồng/khu, điểm;

c) Hỗ trợ các đơn vị kinh doanh lữ hành đưa tối thiểu 20 khách/đoàn đến tham quan tại các khu, điểm du lịch, di tích, danh lam thắng cảnh trên địa bàn

tỉnh, có lưu trú ít nhất 01 đêm tại các cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh. Mức hỗ trợ: 50.000đ/khách; không quá 100 triệu đồng/1 đơn vị lữ hành;

d) Miễn phí tham quan tại các khu, điểm di tích, danh lam thắng cảnh đang thu phí trên địa bàn tỉnh;

đ) Hỗ trợ hoạt động hai tuyến xe buýt “không đồng”: Vincom - Thiên Cẩm, Vincom - Lộc Hà các ngày trong tuần (mỗi ngày mỗi tuyến chạy 16 lượt; buổi sáng 6 lượt bắt đầu từ 05h00; buổi chiều 10 lượt, bắt đầu từ 16h30, chuyến cuối cùng lúc 21h30).

2. Thời hạn áp dụng: Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

3. Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ chăn nuôi lợn

1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Các trang trại chăn nuôi lợn nái cấp bố mẹ có quy mô chuồng trại từ 20 con đến dưới 60 con đang dùng chăn nuôi đảm bảo các điều kiện: Đã có chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có); khoảng cách từ trang trại đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 100m; trường học, bệnh viện, chợ tối thiểu là 150m; chuồng trại: bố trí các ô chuồng phù hợp với từng loại lợn, theo các giai đoạn: đẻ, mang thai, cai sữa. Có kế hoạch bảo vệ môi trường, công trình xử lý chất thải theo quy định, có hệ thống biogas để xử lý chất thải tối thiểu 01m³/con; nái hậu bị cấp bố mẹ đạt khối lượng tối thiểu 80kg/con, có hồ sơ con giống theo quy định;

b) Các hộ chăn nuôi lợn thịt có quy mô chuồng trại từ 20 con đến dưới 50 con đang dùng chăn nuôi đảm bảo các điều kiện: Khoảng cách từ chuồng nuôi đến nguồn nước, khu sinh hoạt gia đình và các hộ dân xung quanh tối thiểu 10m; về chuồng trại, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: diện tích chuồng nuôi đảm bảo tối thiểu 01m²/con, có hệ thống biogas để xử lý chất thải tối thiểu 01m³/con.

2. Nguyên tắc hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần khi đảm bảo các điều kiện tại khoản 1 Điều này và hoàn thành việc mua con giống đưa vào chăn nuôi.

3. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần kinh phí mua lợn nái hậu bị cấp bố mẹ, lợn giống thương phẩm. Mức hỗ trợ: 05 triệu đồng/con lợn nái hậu bị, tối đa 150 triệu/trang trại; 01 triệu đồng/con lợn giống thương phẩm, tối đa 20 triệu đồng/hộ.

4. Thời hạn áp dụng: Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

5. Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân tỉnh Hà Tĩnh khoá XVII, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh uỷ;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Thông tin - Công báo - Tin học
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn